

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 432/2017/DS – ST
Ngày: 22-9-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Ngọc Hiếu
2. Bà Nguyễn Thị Bông Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 271/2017/TLST- DS ngày 05 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2017/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 175/2017/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;
Trụ sở: Lầu 8, số 266-268, đường N, phường X, quận Y, Tp. H;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970;
(*Văn bản ủy quyền số 718/2017/UQ-TTT ngày 08/6/2017*)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1983;
Địa chỉ: số 67/15, đường B, phường S, quận T, Tp. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lã Ngọc M là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/12/2013 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng

S) có ký kết hợp đồng tín dụng và đề nghị cấp thẻ ngày 04/12/2013 và ngày 04/04/2014 cấp thêm thẻ Motor Card.

Hợp đồng tín dụng và đề nghị cấp thẻ ngày 04/12/2013 có nội dung thỏa thuận như sau:

Ngân hàng S cấp thẻ số 472074-3105 cho ông là Nguyễn Đình T hạn mức tiêu dùng và rút tiền 35.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân với lãi suất 3.225%/01 tháng.

Thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Đình T đã rút 57.124.790 đồng và thanh toán cho Ngân hàng S là 40.453.000 đồng(cả gốc và lãi). Tính đến ngày 05/8/2017 ông T còn nợ Ngân hàng là 48.356.022 đồng (trong đó nợ gốc là 27.592.622 đồng, nợ lãi là 20.763.400 đồng)

Hợp đồng tín dụng và đề nghị cấp thẻ ngày 04/04/2014 cấp thêm thẻ Motor Card có nội dung thỏa thuận như sau:

Ngân hàng S cấp thẻ số 356480-7947 cho ông là Nguyễn Đình T hạn mức tiêu dùng và rút tiền 35.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân với lãi suất 3.225%/01 tháng.

Thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Đình T đã rút 24.650.000 đồng và thanh toán cho Ngân hàng S là 19.256.549 đồng(cả gốc và lãi). Tính đến ngày 05/8/2017 ông T còn nợ Ngân hàng là 19.652.639 đồng (trong đó nợ gốc là 10.695.409 đồng, nợ lãi là 8.957.230 đồng)

Nay đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Đình T thanh toán khoản nợ còn thiếu của Ngân hàng S trên cả 02 hợp đồng thẻ nêu trên tính đến ngày 05/8/2017 là 68.008.661 đồng (trong đó nợ gốc là 38.288.031 đồng, nợ lãi là 29.720.630 đồng). Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. *Kể từ ngày 06/8/2017 ông Nguyễn Đình T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng ký ngày ngày 04/12/2013 và ngày 04/04/2014 với Ngân hàng S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.*

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn - Ngân hàng S do ông Lã Ngọc Mlàm đại diện theo ủy quyền vẫn giữ các ý kiến yêu cầu trên.

- Bị đơn - ông Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án không lấy được lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng qui định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97, Điều 171, Điều 173, Điều 203 và Điều 220, Điều 227, Điều 248, Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Về nội dung: Ngày 04/12/2013 Ngân hàng S có ký kết hợp đồng tín dụng số số 472074-3105 và ngày 04/04/2014 cấp thẻ Motor card số 356480-7947 cho ông Nguyễn Đình T vay tiền để sử dụng vào mục đích tiêu dùng, lãi suất thỏa thuận 3.225%/1 tháng. Ngân hàng S cấp thẻ số 472074-3105 cho ông là Nguyễn Đình T và ông T đã rút 57.124.790 đồng và ông T thanh toán cho Ngân hàng S là 40.453.000 đồng(cả gốc và lãi).

Ngân hàng S cấp thẻ số 356480-7947 Motor Card cho ông Nguyễn Đình T và ông T đã rút 24.650.000 đồng và ông T đã thanh toán cho Ngân hàng S là 19.256.549 đồng(cả gốc và lãi).

Nay Ngân hàng S yêu cầu ông Nguyễn Đình T thanh toán tổng số tiền cho hai thẻ trên tính đến ngày 05/8/2017 là 68.008.661 đồng (trong đó nợ gốc là 38.288.031 đồng, nợ lãi là 29.720.630 đồng).

Kể từ ngày 06/8/2017 ông Nguyễn Đình T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng ký ngày ngày 04/12/2013 và ngày 04/04/2014 với Ngân hàng S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Do đó căn cứ vào điều khoản thỏa thuận của hợp đồng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng S, Hội đồng xét xử xác định vụ án trên là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Do bị đơn ông Nguyễn Đình T cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: ông Nguyễn Đình T đã được Tòa án nhân dân quận T quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo khoản 1, khoản 2 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Nguyễn Đình T vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận T vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đình T.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng S:

- Xét yêu cầu thanh toán nợ còn thiếu với tổng số tiền là 68.008.661 đồng (trong đó nợ gốc là 38.288.031 đồng, nợ lãi là 29.720.630 đồng). Kể từ ngày 06/8/2017 ông Nguyễn Đình T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng ký ngày ngày 04/12/2013 và ngày 04/04/2014 với Ngân hàng S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng cấp thẻ số Ngày 04/12/2013 và ngày 04/04/2014 cấp thêm thẻ Motor Card giữa Ngân hàng S và ông Nguyễn Đình T mục đích vay tiêu dùng.

Ngân hàng S cấp thẻ số 472074-3105 cho ông là Nguyễn Đình T hạn mức tiêu dùng và rút tiền 35.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân với lãi suất 3.225%/01 tháng. Ông Nguyễn Đình T đã rút 57.124.790 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng S là 40.453.000 đồng(cả gốc và lãi). Tính đến ngày 05/8/2017 ông T còn nợ Ngân hàng là 48.356.022 đồng (trong đó nợ gốc là 27.592.622 đồng, nợ lãi là 20.763.400 đồng)

Ngân hàng S cấp thẻ số 356480-7947 cho ông là Nguyễn Đình T hạn mức tiêu dùng và rút tiền 35.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân với lãi suất 3.225%/01 tháng. Ông Nguyễn Đình T đã rút 24.650.000 đồng và thanh toán cho Ngân hàng S là 19.256.549 đồng(cả gốc và lãi). Tính đến ngày 05/8/2017 ông T còn nợ Ngân hàng là 19.652.639 đồng (trong đó nợ gốc là 10.695.409 đồng, nợ lãi là 8.957.230 đồng). Do ông

Nguyễn Đình T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Đình T thanh toán khoản nợ là 68.008.661 đồng (trong đó nợ gốc là 38.288.031 đồng, nợ lãi là 29.720.630 đồng). Kể từ ngày 06/8/2017 ông Nguyễn Đình T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh

toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng ký ngày ngày 04/12/2013 và ngày 04/04/2014 với Ngân hàng S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Là phù hợp với điểm 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 qui định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về thời hạn thanh toán: Xét thấy do ông Nguyễn Đình T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được qui định trong hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

3. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.400.433 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 1.606.174 đồng cho Ngân hàng S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009471 ngày 05/07/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 471; Điều 474 Bộ Luật Dân Sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết

số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Buộc ông Nguyễn Đình T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số nợ còn lại của Hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 04/12/2013 và ngày 04/04/2014 tính đến ngày 05/8/2017 68.008.661 đồng (cụ thể : Hợp đồng ký ngày 04/12/2013 thẻ số 472074-3105 ông T phải trả cho Ngân hàng S là 48.356.022 đồng (trong đó nợ gốc là 27.592.622 đồng, nợ lãi là 20.763.400 đồng) và Hợp đồng ký ngày 04/04/2014 thẻ số 356480-7947 ông T phải trả cho Ngân hàng S là 19.652.639 đồng (trong đó nợ gốc là 10.695.409 đồng, nợ lãi là 8.957.230 đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/8/2017 ông Nguyễn Đình T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng ký ngày ngày 04/12/2013 và ngày 04/04/2014 với Ngân hàng S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí là 3.400.433 đồng.

- Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 1.606.174 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009471 ngày 05/07/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Đình T được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Mỹ